TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2021.
V/v "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các hội thẩm N dân:

- Ông Phạm Văn Vũ
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Lộc –Thư ký Tòa án N dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2021/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1981, địa chỉ: 30/3 ấp TB, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị P có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Hoàng N, sinh năm 1977, địa chỉ: 97/1 ấp QA, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

Vào năm 2000 chị P và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn N tự nguyện; chị P và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung tên Đinh Hoàng B, sinh ngày 18/9/2001 và Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 27/02/2004; đối với con chung Đinh Hoàng Bảo đã

trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị P và anh N không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: thời gian đầu chị P và anh N chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 anh, chị xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị P có các yêu cầu sau:

- Về hôn N: chị P yêu cầu Tòa án không công nhận chị P và anh N là vợ chồng. Sau khi ly hôn chị P không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho chị P.

- Về con chung: theo nguyện vọng của con chung Đinh Thị Huyền T, con chung sống với ai thì người đó nuôi; chị P không cấp dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Đinh Hoàng B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/11/2021 chị P có đơn xin vắng mặt.

Theo bản tự khai ngày 22/11/2021 bị đơn anh Đinh Hoàng N trình bày:

Vào năm 2000 anh N và chị P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn N tự nguyện; anh N và chị P không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống chị P và anh N có 02 con chung tên Đinh Hoàng B, sinh ngày 18/9/2001 và Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 27/02/2004; đối với con chung Đinh Hoàng B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Anh N và chị P không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: thời gian đầu anh N và chị P chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trước các yêu cầu của chị P, anh N có ý kiến sau:

- Về hôn N: anh N đồng ý việc chị P yêu cầu Tòa án không công nhận anh N và chị P là vợ chồng. Sau khi ly hôn anh N không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng cho anh N.

- Về con chung: theo nguyện vọng của con chung Đinh Thị Huyền T, con chung sống với ai thì người đó nuôi; anh N không cấp dưỡng và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Đinh Hoàng B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/11/2021 anh N có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn Đinh Hoàng N có nơi cư trú tại 97/1 ấp Quí An, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị P và anh N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh N theo quy định.

[3] Về hôn N: Chị P và anh N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chị P và anh N sống chung hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ đó cho đến nay. Xét thấy: chị P và anh N chung sống với nhau từ năm 2000, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đồng thời, từ khi không còn sống chung đến nay chị P và anh N cũng không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó, hôn N giữa chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Lẽ đó việc chị P yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P với anh N là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn N và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị P và anh N có 02 con chung tên Đinh Hoàng B, sinh ngày 18/9/2001 và Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 27/02/2004; đối với con chung Đinh Thị Huyền T thì chị P và anh N thống nhất theo nguyện vọng của con chung. Xét thấy hiện nay con chung Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 27/02/2004 có nguyện vọng sống chung với chị P. Lẽ đó cần giao con chung Đinh Thị Huyền T cho chị Trần Thị P trực

tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 84 Luật hôn N và gia đình. Do chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết**.**Đối với con chung tên Đinh Hoàng Bảo, sinh ngày 18/9/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Anh Đinh Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đinh Hoàng N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị P và anh N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị P và anh N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí hôn N và gia đình: Chị Trần Thị P phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn N: không công nhận chị Trần Thị P và anh Đinh Hoàng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị P được trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 27/02/2004. Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Đinh Hoàng B, sinh ngày 18/9/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Anh Đinh Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đinh Hoàng N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị P và anh N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: chị P và anh N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn N gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002904 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Mơ-Trịnh Xuân Tùng	**Nguyễn Thị Tơ**

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ